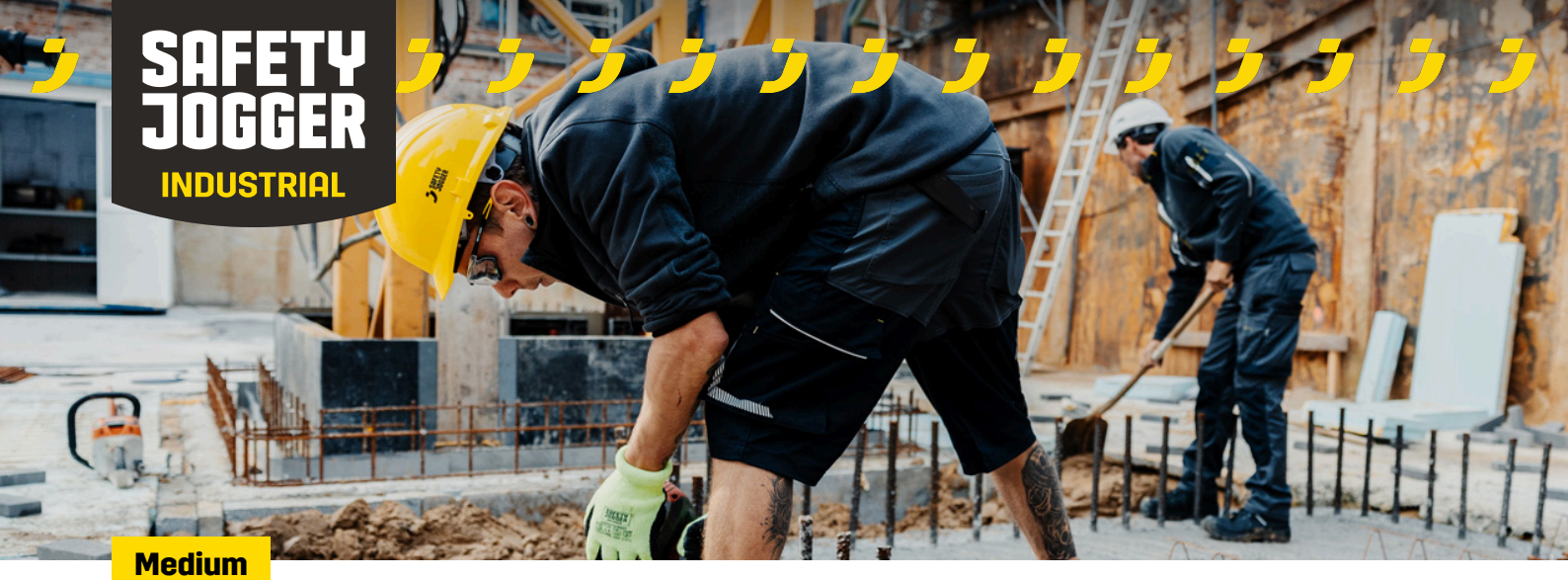


Medium

SAFETYSTAR S3 LOW

SFTYSTRS3L

Giày bảo h ộ **lao** độ n ố g **S3 giá** t thị ờn t g

SAFETY STAR S3 LOW là giày bảo h ộ S3 có giá trên thị . Nó cung cấp khả năng bảo v ệ tiên t i mũi giày bằn g thép chắc chắn , đế chư ố trơ ợt và thiế k g tĩnh điệ n . Lý t ư ởn g cho các lĩnh vự c nh , xây dự ư g và một công n ghiệ p .

CO₂ 10.69 kg



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn ật Ba to thu	
ót bên trong i tái chế lướ	
rong Đ	SJ Eco
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t thép	0.600 kg
ẩn hóu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và bẩn. Những đôi giày này cũng bảo vệ chống thủng đế và nghiền nát bàn chân.



& nhiên
u chống dầu
ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ bảo vệ bàn chân ế lăn hoặc rơ
i chắ



SRC
ước là một trong những tính năng quan trọng và giày bảo hộ SRC qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



chống tĩnh điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn
ện tích tĩnh điện. Điều này đảm bảo rằng chúng
ện trở nằm trong phạm vi được chỉ định
ừa 100 kiloOhm và 1 GigaOhm



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngâm
không tiếp xúc lâu dài

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g, Ngành công n ghiệ ànp , hậ

ường: **Môi** t
rư ờn g môi ùn, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu t **Đặc trưng** thu **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	2.8 iờ mg/cm/g
	Top: h nuệ số h ơ	? 15	31 mg/cm2
ót bên trong	i **tái** th ế ớ		
	L ớp lót: ấm ớ h ơ	? 2	64.8 iờ mg/cm/g
	lót: h nuệ số h ơ	? 20	518 mg/cm2
rong Đ	**SJ Eco**		
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**PU**		
	Ch ố ả ấm ế ngoài (mài mòn)	? 150	92 mm
	Chư ố ợ c gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợ gót v ề phía t	? 0.31	0.38 ma sát
	rư Cột cố ả G ố m + NaLS - Trư ợ lùi v ề phía t	? 0.36	0.36 ma sát
	rư Cột SR G ố m + Glycerin - Trư ợ gót phía t	? 0.19	0.36 ma sát
	Chư ố ợ SR G ố m + Glycerin - Trư ợ v ề phía t	? 0.22	0.34 ma sát
ị ch ố	Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	72.2 megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
	Hấp thụ năng l gót chân ủ	? 20	30 J
Đ ứ n g đầ **Thép**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15.0 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	19.0 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khẳng định quyền sở hữu đối với thiết kế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản từ chúng tôi.

hân sinh thái:
Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả		
	V ật l iệu	8.42 kg
	Bao bì	0.11 kg
ất	Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		10.69 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	2%
	Bao bì	100%

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.